

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HS-ST.

Ngày: 26-7-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - TỈNH BT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Thu Huyền

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Hưng Quang và ông Phạm Văn Minh.

-Thư ký phiên tòa: ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/HSST-QĐ, ngày 12-7-2024 và Thông báo mở phiên tòa số 02/2024/TB-TA, ngày 15-7-2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức T, sinh ngày 09-7-1983 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi thường trú: thôn Mỹ Am, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và chỗ ở hiện nay: ấp Hoà Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức Tiến (chết) và bà Vũ Thị Thời, sinh năm 1959; vợ thứ nhất: Đoàn Thị Mai (đã ly hôn); vợ thứ hai: Ngô Thị Hoa, sinh năm 1993 (đã ly hôn); vợ thứ ba: Tăng Thị Anh, sinh năm 1980; có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không;

Hoạt động nhân thân:

- Ngày 17-11-2006 bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 1841/2006/HSST;

- Ngày 22-10-2015 bị Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 130/2015/HSST, chấp hành xong vào ngày 28-4-2017;

- Ngày 02-8-2017 bị Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt 27 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 40/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù, án phí, bồi thường dân sự;

- Ngày 31-7-2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự;

- Ngày 12-4-2024 bị Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt **26-3-2023**;

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước theo Quyết định số 5604/QĐ-C10-P2, ngày 05-6-2024 của Cơ quan Quản lý THAHS-Bộ Công an.

Bị cáo có mặt.

2. Vũ Văn Q, sinh ngày 09-5-1981 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi thường trú: thôn Mỹ Am, xã Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và chỗ ở hiện nay: không có chỗ ở ổn định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Lý, sinh năm 1935 (chết) và bà Đặng Thị Mùi, sinh năm 1944; vợ: Trần Thị Tươi, sinh năm 1987; có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không;

Hoạt động nhân thân:

- Ngày 17-11-2006 bị Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 1841/2006/HSST, chấp hành xong ngày 30-8-2007;

- Ngày 31-7-2023, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự;

- Ngày 12-4-2024 bị Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt **18-10-2023**;

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung theo Quyết định số 5603/QĐ-C10-P2, ngày 05-6-2024 của Cơ quan Quản lý THAHS-Bộ Công an.

Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Lê Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện TP, BT. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước ngày 30-10-2022, Phạm Đức T và Vũ Văn Q bàn bạc, rủ nhau đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Phạm Đức T và Vũ Văn Q, mỗi người điều khiển một xe mô tô chạy trên tuyến Quốc lộ 1A đi từ hướng tỉnh Đồng Nai đến tỉnh BT. Trên đường đi, cả hai đều cùng quan sát những nơi có thi công công trình có để vật tư như sắt, thép mục đích để lừa đảo các chủ mua bán phế liệu. Khi Tâm và Quý chạy đến địa bàn huyện TP, tỉnh BT nhìn thấy có công trình đang thi công tuyến đường cao tốc, thì Tâm và Quý đều dừng lại. Quý điều khiển xe chạy vào công trình, nhìn thấy có vật tư để bên ngoài thì điện thoại báo cho Tâm biết và Quý sẽ tìm người muốn mua để lừa bán. Quý điều khiển xe đến vừa mua bán phế liệu của Lê Văn T ở thôn Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Tân, huyện TP, tự xưng tên Thắng, đặt vấn đề bán sắt công trình cho Tâm. Lê Văn T đồng ý mua nên đi cùng Quý đến lán trại của Công ty Đạt Phương, chỗ để đóng sắt công trình xem. Quý tự ước tính đóng sắt khoảng 80 tấn, tạm tính trước với Lê Văn T 50 tấn sắt giá 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*), số sắt còn lại sẽ tính sau và hứa sẽ cho xe tải chở hết đóng sắt về vừa phế liệu của Tâm. Sau khi thỏa thuận mua bán sắt với Quý xong thì Tâm quay về nhà để chuẩn bị tiền giao cho Quý. Đến khoảng 11 giờ 48 phút, ngày 30-10-2022, Lê Văn T mang theo 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*) đi đến chỗ đoạn cao tốc đang thi công để gặp Quý thì Quý dẫn Tâm, giới thiệu tên Quyết là sếp của Quý sẽ viết hoá đơn mua bán. Sau khi Tâm ký vào hoá đơn thì Tâm bảo với Quý “mày vào công trình chuẩn bị xe bốc sắt cho người ta”. Khi Quý điều khiển xe đi thì tại đây Tâm đưa tiền cho Tâm. Nhận tiền xong, Tâm điều khiển xe chạy lên tuyến Quốc lộ 1A, hướng về tỉnh Đồng Nai. Đi được một đoạn, Tâm gặp Quý tại quán nước bên đường, cả hai cùng điều khiển xe về lại phòng trọ của Tâm ở ấp Hoà Bình, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, cả hai chia nhau mỗi người nhận số tiền 165.000.000 đồng (một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Sau đó, Tâm và Quý tiếp tục đến thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thực hiện hành vi lừa đảo tương tự như trên thì bị phát hiện, bắt giữ.

Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: không có.

Về trách nhiệm dân sự: Lê Văn T yêu cầu Phạm Đức T và Vũ Văn Q phải bồi thường lại số tiền đã chiếm đoạt là 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Phạm Đức T và Vũ Văn Q chưa bồi thường cho bị hại.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSTP-HS, ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố Phạm Đức T và Vũ Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP giữ nguyên quyết định truy tố và bổ sung tình tiết tăng nặng “*phạm tội có tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để áp dụng cho hai bị cáo. Đề nghị áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38; Điều 58; Điều 55; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

+ Xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 75/2024/HS-ST, ngày 12-4-2024, buộc chấp hành chung từ 16 (mười sáu) năm đến 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn Q từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 75/2024/HS-ST, ngày 12-4-2024, buộc chấp hành chung từ 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 18 (mười tám) năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn T số tiền 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*).

- Các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP đã truy tố và phân truy tố bổ sung tại phiên tòa. Các bị cáo xác nhận việc truy tố các bị cáo là đúng, không oan. Các bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt và đồng ý bồi thường lại số tiền đã chiếm đoạt của bị hại.

- Bị hại Lê Văn T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại và đề nghị xử lý hình sự các bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q không có ý kiến, cũng như không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện, đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã làm rõ: Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Quý đã gặp bị cáo Tâm rủ rê, bàn bạc về việc đi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của người khác để tiêu xài cá nhân. Vào ngày 30-10-2022, sau khi phân công nhiệm vụ, mỗi bị cáo tự

điều khiển xe mô tô đi từ Đồng Nai đến BT. Trên đường đi, hai bị cáo quan sát xung quanh, tìm công trình có để sắt thép thì sẽ đến và dùng thủ đoạn gian dối để lừa chủ vừa phê liệu mua, nhằm chiếm đoạt tiền của họ. Khi đến công trình thì công đoạn cao tốc Phan Thiết-Vĩnh Hảo thuộc địa bàn huyện TP, tỉnh BT, phát hiện tại lán trại của Công ty Đạt Phương, có đóng sắt thép công trình, bị cáo Quý đóng vai nhân viên công trình, tự xưng tên là Thắng và bị cáo Tâm đóng vai giám đốc, tự xưng tên là Quyết, đã lừa được anh Lê Văn T mua đóng sắt công trình với số tiền 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Sau khi chiếm đoạt được tiền của bị hại, bị cáo Quý và bị cáo Tâm đã điều khiển xe mô tô về lại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, cùng nhau chia tiền, mỗi bị cáo nhận 165.000.000 đồng (*một trăm sáu mươi lăm triệu đồng*). Sau đó, các bị cáo dùng thủ đoạn tương tự thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh Bình Định, bị phát hiện và bị bắt giam.

Như vậy, hành vi câu kết chặt chẽ, dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*) của hai bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và phần bổ sung tình tiết tăng nặng tại phiên toà là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động và muốn nhanh chóng có tiền nên đã thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội nên cần thiết phải xử lý các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm, các bị cáo tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản có sự câu kết chặt chẽ, có sự phân công rõ ràng và cùng thực hiện. Bị cáo Vũ Văn Q tham gia với vai trò là người rủ rê, khởi xướng bị cáo Phạm Đức T cùng thực hiện tội phạm, bị cáo là người trực tiếp tìm kiếm và giao dịch với bị hại, bị cáo Phạm Đức T là người cùng tham gia tích cực, nhận tiền từ bị hại. Do đó, các bị cáo sẽ bị xử lý trách nhiệm tương xứng với tính chất, mức độ do từng bị cáo gây ra và trách nhiệm hình sự của bị cáo Vũ Văn Q cao hơn bị cáo Phạm Đức T.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Các bị cáo có nhân thân xấu, liên tục thực hiện hành vi lừa đảo tại nhiều nơi với cách thức tương tự. Trong vụ án này, các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ, vạch ra kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho từng người nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội có tổ chức*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo

thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi lừa đảo được nạn nhân, nhận được tiền, các bị cáo lại nhanh chóng tẩu thoát, đến địa phương khác thực hiện các vụ lừa đảo tương tự, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình đối với các bị cáo.

[6] Về tang, vật chứng của vụ án: không có.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi chiếm đoạt tiền của bị hại, các bị cáo chưa hoàn trả lại cho bị hại nên buộc các bị cáo phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 330.000.000 đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*).

[8] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 268, Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q cùng phạm tội: **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

- *Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 55 và Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;*

Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Đức T **08 (tám) năm tù**. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 75/2024/HS-ST, ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, buộc chấp hành chung **16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 26-3-2023.

+ Bị cáo Vũ Văn Q **08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 75/2024/HS-ST, ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, buộc chấp hành chung **18 (mười tám) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 18-10-2023.

- *Áp dụng: khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

Buộc bị cáo Phạm Đức T và bị cáo Vũ Văn Q phải liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn T số tiền **330.000.000** đồng (*ba trăm ba mươi triệu đồng*).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại, nếu các bị cáo chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì các bị cáo còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.*

Buộc các bị cáo Phạm Đức T và Vũ Văn Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 8.250.000 đồng (*tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26-7-2024);

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BT;
- VKSND huyện TP;
- CA huyện TP;
- THADS huyện TP;
- Sở tư pháp tỉnh BT;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Huyền